

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 17 tháng 01 năm 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tăng Thị Bạch Vân

Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 310/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Thị N, địa chỉ: XX, ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Nguyễn Hoàng P, địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng P kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 17 tháng 11 năm 2011. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Trung H sinh ngày 16/6/2012, hiện cháu H đang sống chung với chị N. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, anh P không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè; đến năm 2018 anh P phạm tội và đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam A (huyện P, tỉnh Bình Dương). Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể

tiếp tục nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn anh P; về con chung chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai lập ngày 21/11/2021 tại Trại giam A, bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày có nội dung: Anh P thừa nhận phần trình bày của chị N là đúng, anh P cho biết trước đây do công việc làm ăn không ổn định, cuộc sống thiếu thốn nên anh buồn chán và thường xuyên rượu chè, dẫn đến phạm tội và hiện nay anh đang chấp hành án. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh P cũng chấp nhận, về con chung đang ở với chị N, anh P cho biết vì đang chấp hành án nên không thể cấp dưỡng, chỉ mong được nói chuyện với con qua điện thoại; về tài sản chung và nợ, anh P không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên cho chị N trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị N và bị đơn anh Nguyễn Hoàng P, nhưng chị N và anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh P thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn, làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên chị N yêu cầu ly hôn anh P. Hiện tại anh P đang chấp hành án phạt tù và khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, thì anh P cho biết anh sẽ tôn trọng quyết định của chị N về việc ly hôn, vì anh còn phải chấp hành án thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và vợ chồng phải luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh P cũng chấp nhận việc ly hôn, xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có 01 người con chung chưa thành niên hiện đang sống với chị N. Chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Xét thấy cháu Nguyễn Hoàng Trung H từ trước đến nay sống tại gia đình cùng với chị N, khi được hỏi về nguyện vọng thì cháu H cho biết muốn được ở với mẹ (Bùi Thị N) nếu cha mẹ phải ly hôn. Anh P thì không có ý kiến

dành quyền nuôi con nhưng anh cho biết anh không thể cấp dưỡng do hoàn cảnh, điều kiện không cho phép và chỉ mong được nói chuyện với con qua điện thoại. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Hoàng Trung H cho chị N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh P không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của chị N không yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hoàng P.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Hoàng Trung H sinh ngày 16/6/2012 cho chị Bùi Thị N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh P, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001414, ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (đề BC);
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu